

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2024/DS-ST
Ngày: 19-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Văn Công Trọn

Ông Nguyễn Việt Thắng

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Cẩm Hương. Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 930/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 552/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Việt H; Sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Bị đơn: Ông Trương Thanh N, sinh ngày 19/5/1973; Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

Bà Huỳnh Tuyết N1, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp M, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 11 năm 2023, cũng như lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/4/2018, ông N và bà N1 có vay của ông H số tiền 40.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2,5%/tháng. Sau khi vay, ông N, bà N1 chuyển khoản thanh toán 24.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2023, ông H yêu cầu ông N, bà N1 trả cho ông 40.000.000 đồng tiền vay gốc và tính lãi suất 20%/năm từ khi vay là 19.980.000 đồng, đối trừ số tiền lãi đã thanh toán là 24.000.000 đồng, ông N, bà N1 phải thanh toán cho ông H tổng cộng 59.980.000 đồng. Tại phiên tòa, ông H xác định lại số tiền thanh toán là 24.000.000 đồng, ông N, bà N1 có

thanh toán trực tiếp 1.000.000 đồng. Do đó, sau khi đối trừ, ông H yêu cầu ông N, bà N1 phải thanh toán cho ông H tổng cộng 58.980.000 đồng.

Tại biên bản hoà giải ngày 15/12/2023, bị đơn là ông Trương Thanh N trình bày:

Khoảng năm 2013, ông và bà N1 có vay của ông H số tiền 140.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 3%/năm. Đến ngày 20/4/2018, bà N1 thanh toán cho ông H số tiền vay gốc và lãi nêu trên còn nợ lại 40.000.000 đồng tiền lãi, có viết biên nhận cho ông H như ông H đã cung cấp tại hồ sơ (Bức lục 01). Do số tiền 40.000.000 đồng là tiền nợ lãi nên không tính lãi tiếp, sau đó ông đã thanh toán cho ông H 24.000.000 đồng. Nay đồng ý thanh toán cho ông H số tiền nợ còn lại là 16.000.000 đồng.

Đối với bà Huỳnh Tuyết N1 mặc dù đã được Tòa án tổng đạt thông báo, triệu tập đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định nhưng bà Huỳnh Tuyết N1 vắng mặt và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa ông Nguyễn Việt H với ông Trương Thanh N và bà Huỳnh Tuyết N1 là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Nơi cư trú của bị đơn và nơi thực hiện hợp đồng đều tại huyện T nên ông H khởi kiện yêu cầu giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Theo nguyên đơn, vào ngày 20/4/2018, ông N và bà N1 có vay của ông H số tiền 40.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 2,5%/tháng. Sau khi vay ông N, bà N1 có thanh toán cho ông H 25.000.000 đồng tiền lãi. Sau khi đối trừ số tiền đã thanh toán, ông H yêu cầu ông N, bà N1 phải thanh toán cho ông H tổng cộng 58.980.000 đồng. Về phía bị đơn, ông Trương Thanh N xác định, khoảng năm 2013, ông và bà N1 có vay của ông H số tiền 140.000.000 đồng, thoả thuận lãi suất 3%/năm. Đến ngày 20/4/2018, bà N1 thanh toán cho ông H số tiền vay gốc và lãi nêu trên còn nợ lại 40.000.000 đồng tiền lãi. Do số tiền 40.000.000 đồng là tiền nợ lãi nên không tính lãi tiếp, sau đó ông đã thanh toán cho ông H 24.000.000 đồng. Nay đồng ý thanh toán cho ông H số tiền nợ còn lại là 16.000.000 đồng.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông N thừa nhận, bà N1 có viết biên nhận cho ông H vào ngày 20/4/2018. Tại biên nhận không thể hiện số tiền 40.000.000 đồng là tiền lãi vay, do việc bị đơn trình bày là không có căn cứ. Về phía bà N1 không có ý kiến phản đối, hay cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì khác. Tại biên nhận ngày 20/4/2018 thể hiện bà N1 có vay của ông H số tiền 40.000.000 đồng. Ông H xác định, sau khi vay ông N, bà N1 có thanh toán cho ông H số tiền 25.000.000 đồng. Ông H yêu cầu ông N, bà N1 trả cho ông 40.000.000 đồng tiền

vay gốc và tính lãi suất 20%/năm từ khi vay đến ngày khởi kiện là 19.980.000 đồng, đối trừ số tiền lãi đã thanh toán là 25.000.000 đồng, ông N, bà N1 phải thanh toán cho ông H tổng cộng 58.980.000 đồng. Đối với mức lãi suất ông H đặt ra là phù hợp, không vượt quá quy định của pháp luật. Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Về án phí: Ông Trương Thanh N, bà Huỳnh Tuyết N1 có nghĩa vụ thực hiện việc thanh toán cho ông Nguyễn Việt H nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ông Nguyễn Việt H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.
- Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Việt H. Buộc ông Trương Thanh N, bà Huỳnh Tuyết N1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Việt H 58.980.000 (Năm mươi tám triệu chín trăm tám mươi ngàn) đồng.

Đối với khoản tiền nêu trên, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí: Ông Trương Thanh N, bà Huỳnh Tuyết N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.949.000 (Hai triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn) đồng, chưa nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, nguyên đơn tính kể từ ngày tuyên án, bị đơn tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- CC.THADS huyện Trần Văn Thời;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Bùi Thị Huệ